

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/DS-ST

Ngày: 27 - 8 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hụi,
Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Tinh

Ông Nguyễn Văn Lạc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi, hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện V, tỉnh Long An (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Thị C, sinh ngày 1977. Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện V, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về yêu cầu và lời trình bày của nguyên đơn bà T:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2024 lời trình bày của bà T và tài liệu chứng cứ kèm theo trong hồ sơ thể hiện như sau: Buộc bà C phải trả cho bà 20.000.000 đồng tiền nợ hụi và 40.000.000 đồng tiền vay. Bà không yêu cầu tiền

lãi, tại phiên tòa yêu cầu trả 10.000.000 đồng tiền nợ hội, 40.000.000 đồng tiền vay và trình bày như sau: Bà có làm chủ thảo một số dây hội, tại địa phương, khi làm chủ thảo hội thì bà T được hưởng hoa hồng trong mỗi lần giao hội cho người được lãnh hội và phải có trách nhiệm giao hội đầy đủ, đúng hạn cho người được lãnh hội, việc bà T đi gom các hội viên như thế nào là trách nhiệm của bà T, các hội viên không có nghĩa vụ gom hội. Bà C tham gia các dây hội cụ thể như sau:

Hội 5.000.000 đồng/01 vụ, một năm mở hội 02 lần vào vụ Đông xuân (khoảng tháng 3) và Hè thu (khoảng tháng 6), bắt đầu ngày 30/5/2021 âm lịch (sau đây viết là AL) đến ngày 30/5/2028AL là kết thúc, gồm 15 phần, bà C tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội là C. Khi mở hội lần thứ 03 thì bà C bỏ thăm hốt hội được số tiền 37.000.000 đồng (có giấy nhận tiền ngày 19/6/2022AL), sau khi lãnh hội thì bà C phải góp hội lại cho các hội viên khác. Bà C góp được 01 lần là tháng 02 năm 2023 và sau đó thì không góp nữa. Tính đến tháng 5/2024, bà C đã không góp hội cho bà 02 lần, với số tiền là $02 \times 5.000.000 \text{ đồng} = 10.000.000 \text{ đồng}$, bà phải góp thay cho bà C để có tiền giao cho các hội viên được lãnh hội.

Hai dây hội 1.000.000 đồng/1 tháng, mở hội ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 3/2023AL đến tháng 11/2024AL là kết thúc, gồm có 22 phần, bà C tham gia mỗi dây hội 01 phần, tên trong danh sách hội là C. Hai dây hội này bà C đều đã lãnh hội nhưng do không có ký giấy nhận tiền nên bà không nhớ bà C lãnh hội lần thứ mấy và được bao nhiêu tiền. Sau khi lãnh hội, bà C góp đến ngày 10/12/2023 thì không góp nữa nên tính đến ngày 10/5/2024AL bà đã góp hội thay cho bà C là $05 \text{ lần} \times 1.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ dây} = 10.000.000 \text{ đồng}$. Tính đến nay thì bà C đã vi phạm thêm các lần góp hội nên bà xin rút lại yêu cầu khởi kiện này và chờ đến khi dây hội kết thúc sẽ khởi kiện sau.

Ngoài ra, bà C có vay của bà 40.000.000 đồng, số tiền vay này bà C đã vay trước đó nhưng đến ngày 20/4/2023 mới ký giấy nhận nợ cho bà nhưng đến nay bà C cũng không trả.

- Về ý kiến và lời trình bày của bị đơn bà C: Đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến gửi Tòa án.

- Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn chấp hành đúng; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn vắng mặt theo thông báo, giấy báo của Tòa án.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các danh sách hội mà bà T cung cấp thì bà Lê Thị C có tham gia 01 dây hội mùa 5.000.000 đồng, mở lần đầu ngày 30/5/2021AL, gồm 15 phân, mỗi năm mở hội 02 lần, đến ngày 30/5/2028AL là kết thúc. Bà C đã lãnh hội ngày 19/6/2022 AL với số tiền 37.000.000 đồng, có ký giấy lãnh hội. Sau khi lãnh hội bà C chỉ góp hội lại được 01 lần vào tháng 02/2023AL. Mở hội vụ H thu 2023 và Đ xuân 2024, bà C không góp hội nên bà T phải bỏ tiền ra góp thay cho các hội viên là bà Nguyễn Thị Khánh B và bà Trần Thị H1. Vì vậy, yêu cầu của bà T về việc buộc bà C phải trả số tiền hội đã góp thay là 10.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với 02 dây hội tháng 1.000.000 đồng: Tại phiên tòa bà T xin rút yêu cầu, việc rút đơn là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả tiền vay 40.000.000 đồng: Bà T cung cấp được giấy vay tiền có chữ ký và ghi họ tên Lê Thị C; biên nhận mặc dù không thỏa thuận thời hạn trả, nhưng bà T đã nhiều lần yêu cầu bà C trả nợ và kể từ khi bà T khởi kiện đến nay bà C bỏ mặc, né tránh trách nhiệm của mình. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 227, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc buộc bà C trả tiền hội 10.000.000 đồng và trả tiền vay 40.000.000 đồng, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn cho rằng bị đơn còn nợ tiền hội và tiền vay chưa thanh toán nên khởi kiện. Bị đơn có nơi cư trú tại xã V, huyện V, tỉnh Long An. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng góp hội, hợp đồng vay tài sản và căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Bà C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt đến lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án mở phiên xét xử vắng mặt bà C.

[3] Về đánh giá chứng cứ: Bà C không hợp tác mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không thực hiện quyền tranh tụng là tự tước đi quyền do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do đương sự đã cung cấp và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập là phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đối với hợp đồng góp hụi: Bà T trình bày bà có làm chủ thảo dây hụi vụ 5.000.000 đồng/01 vụ, một năm mở hụi 02 lần, vào đông xuân và hè thu, bắt đầu từ tháng 5 năm 2021AL, có tổng cộng 15 phần, bà C tham gia 01 phần và đã lãnh hụi. Lời trình bày của bà T phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà bà T đã cung cấp gồm: Danh sách hụi lập ngày 30/5/2021AL; giấy có nội dung nhận tiền hụi ngày 19/6/2022AL có chữ ký và ghi họ tên của người nhận tiền Lê Thị C; phù hợp với các giấy giao hụi có chữ ký, ghi họ tên của bà Nguyễn Thị Khánh B và bà Trần Thị H1. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định bà C có tham gia góp hụi do bà T làm chủ thảo hụi, bà C đã lãnh hụi nên có nghĩa vụ phải góp hụi cho bà T theo từng lần mở hụi. Bà T khởi kiện yêu cầu bà C trả số tiền hụi mà bà T đã góp thay từ lần mở hụi H thu 2023 và Đ xuân 2024 là 5.000.000 đồng x 01 phần x 02 vụ = 10.000.000 đồng; bà C không có ý kiến phản đối và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh về việc đã góp hụi cho bà T nên căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự, Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Bà T không yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với hợp đồng vay tài sản: Bà T trình bày có cho bà C vay 40.000.000 đồng, bà T đã nhiều lần yêu cầu bà C trả nợ nhưng bà C chưa trả; bà thúy cung cấp được giấy nhận nợ có chữ ký và ghi họ tên Lê Thị C ngày 20/4/2023AL. Bà C không có ý kiến phản đối hoặc cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về việc đã thanh toán số tiền vay trên. Như vậy có căn cứ xác định bà C có vay tiền của bà T và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự nên yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ chấp nhận. Hợp đồng không có thỏa thuận về lãi suất, nay bà T cũng không yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với yêu cầu của bà T về việc buộc bà C phải trả 10.000.000 đồng tiền nợ hụi của 02 dây hụi tháng được mở cùng ngày 10/3/2023AL: Tại phiên tòa, bà T xin rút yêu cầu khởi kiện, việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên của bà T

[7] Từ các phân tích trên, đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 án phí được tính như sau: Bà C

phải chịu án phí có giá ngạch 5% đối với yêu cầu của bà T được chấp nhận là: 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng. Bà T được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 466, Điều 469, Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, phường;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về tranh chấp hợp đồng góp hội và tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Lê Thị C phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), trong đó: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền nợ hội và 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) tiền nợ vay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành án sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc buộc bà Lê Thị C trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền nợ hội.

Bà Nguyễn Thị T có quyền khởi kiện lại vụ án (đối với các dây hội đã rút yêu cầu) theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về án phí:

Bà Lê Thị C phải chịu 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

H2 lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002616 ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng.

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 27/8/2024. Bà Lê Thị C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;

- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Liễu